TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08.10.2020
"*V/v ly hôn, tranh chấp nghĩa vụ trả nợ*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Minh Chiến - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn.
2. Bà Nguyễn Thị Thảo - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn.

- Thư ký phiên Tòa: Cô Nguyễn Thị Xuân Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 132/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp nghĩa vụ trả nợ". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22.9.2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1970
Địa chỉ: Thôn B, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định
**** Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1976
HKTT: Thôn B, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định
Tạm trú: 200/9 đường D, phường P, Quận, TP.HCM
**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam
Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, tổng giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Duy L, giám đốc Ngân hàng No & PTNT thị xã An Nhơn.
Người được ủy quyền lại: Ông Lê Văn S, phó giám đốc phụ trách phòng giao dịch Đ thuộc Ngân hàng No & PTNT thị xã An Nhơn.

Địa chỉ: Số 418 T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Theo các văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27.12.2019 và số 633/NHNoAN ngày 20.8.2020.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày*: Anh và chị Nguyễn Thị S tự nguyện tổ chức lễ cưới vào 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh tại thôn B, xã N, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 22 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị S buôn bán trong TP. H, khoảng 02-03 tháng về nhà một lần, mỗi lần về chị S lại kình cãi đòi nhưng nghĩ con còn nhỏ nên anh không đồng ý. Trong cuộc sống chị S thiếu tôn trọng anh và gia đình, mỗi lần vợ chồng cãi nhau chị S thường bỏ đi mà không nói cho anh biết. Đến tháng 02/2020 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị S bỏ vào TP. H làm ăn, có về quê nhưng về nhà mẹ ruột ở huyện P chứ không về nhà. Anh nhiều lần đến nhà mẹ vợ thuyết phục chị S về chung sống nhưng chị S không đồng ý, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị S.

Về con chung: có 02 người con tên Nguyễn Hữu H1 (sinh ngày 16.10.1996) và Nguyễn Thị Mỹ H2 (sinh ngày 02.3.1999), hiện cả hai con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vào ngày 24.7.2020 anh B rút yêu cầu chia tài sản chung và rút yêu cầu đối với khoản nợ anh Nguyễn Văn L1 nợ 05 chỉ vàng, chị Nguyễn Thị L2 nợ 01 chỉ vàng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Năm 2018 vợ chồng có vay Ngân hàng Agribank chi nhánh A – PGD Đ số tiền 40.000.000đ để làm quán bán ăn sáng, khi vay anh có giao Ngân hàng bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Nguyễn Văn B. Anh đã trả tiền lãi, tiền gốc, hiện còn nợ tiền vay gốc 39.000.000đ. Ly hôn anh yêu cầu vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra vợ chồng không còn khoản nợ nào khác.

Tại phiên tòa, anh B tự nguyện trả tiền vay gốc 39.000.000đ và lãi cho Ngân hàng Agribank chi nhánh A– PGD Đ, không yêu cầu chị S cùng có trách nhiệm trả nợ.

****** *Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn yêu cầu phản tố và các thủ tục tố tụng tiếp theo bị đơn chị Nguyễn Thị S trình bày***:** Chị và anh Nguyễn Văn B được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1995 và đăng ký kết hôn vào năm 1996 tại UBND xã N, thị xã A. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà cha mẹ nhà chồng, vợ chồng từ khi cưới đã sống không hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh B có tính ghen tuông và vũ phu, mỗi khi vợ chồng kình cãi thì anh B lại đánh chị rất tàn nhẫn, sau những lần anh B đánh, chị có gọi chị V làm bên phụ nữ thôn B đến chứng kiến và phân giải. Tháng 9/2019 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã

An Nhơn nhưng do mẹ chị khuyên nhủ nên chị quyết định rút đơn, vợ chồng quay lại chung sống nhưng vẫn thường xuyên kình cãi. Đến tháng 02/2020 sau một lần vợ chồng cãi nhau, chị quyết định bỏ vào TP. H sống với các con. Anh B cũng có thuyết phục chị về chung sống nhưng chị không đồng ý, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên chị thống nhất ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Hữu H1 (sinh ngày 16.10.1996) và Nguyễn Thị Mỹ H2 (sinh ngày 02.3.1999), cả hai con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ngày 05.6.2020 chị S có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chia tài sản chung, đến ngày 24.7.2020 chị S rút yêu cầu phản tố về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị có ký trong hợp đồng vay Ngân hàng Agribank chi nhánh thị xã A – PGD Đ nhưng số tiền vay bao nhiêu thì chị không rõ, do một mình anh B trực tiếp đi vay, vay tiền làm gì chị không biết. Trước đây chị làm có bao nhiêu tiền vàng đều đưa cho anh B tiêu xài hết nên phải đi vay thì số nợ trên chị yêu cầu một mình anh B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng, chị không đồng ý cùng trả.

Ngoài ra vợ chồng không còn nợ ai tài sản nào khác.

* *Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng No & PTNT thị xã A do người được ủy quyền ông Lê Văn S trình bày*: Vào ngày 06.8.2018 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị xã A có giải ngân cho vợ chồng Nguyễn Văn B – Nguyễn Thị S trú tại thôn B, xã N vay số tiền 40.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 4303LAV201801666 (sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vay), mục đích sản xuất đầu tư sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi bò; lãi suất vay 8,9%/năm đã được điều chỉnh lãi theo quy định là 9,9%/năm kể từ ngày 21/02/2019, thời hạn vay 3 năm, số tiền vay gốc phân kỳ trả nợ gồm 03 kỳ:

Kỳ 1: Vào ngày 06/8/2019 trả số tiền vay gốc là 500.000đ

Kỳ 2: Vào ngày 06/8/2020 trả số tiền vay gốc là 500.000đ

Kỳ 3: Vào ngày 06/8/2021 trả số tiền vay gốc là 39.500.000đ

Kỳ hạn trả tiền lãi là 03 tháng/kỳ.

Vợ chồng anh B, chị S vay theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09.6.2015 của chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn thì các đối tượng vay vốn phục vụ cho sản xuất, đâu tư phát triển nông nghiệp nông thôn phải có và nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng. Do đó khi vay số tiền 40.000.000đ thì vợ chồng anh B, chị S có giao cho Ngân hàng giữ 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00494 đứng tên Nguyễn Văn B.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay thì tính đến ngày 08.10.2020 anh B còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc là 39.000.000đ, tiền lãi trong hạn từ ngày 15.9.2020 đến ngày 08.10.2020 là 254.000đ. Nay vợ chồng anh B, chị S ly hôn thì Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh B, chị S cùng có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền vay gốc còn nợ là 39.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 08.10.2020 là 254.000đ và tiền lãi phát sinh sau ngày

08.10.2020 cho đến khi trả hết nợ. Sau khi vợ chồng B - S trả nợ xong số tiền vay gốc và lãi thì Ngân hàng sẽ trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh B.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng đồng ý việc anh B tự nguyện chịu trách nhiệm trả tiền vay gốc và tiền lãi cho Ngân hàng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 28, 35, 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29, 37, 51, 55 của Luật hôn nhân gia đình, luật tổ chức các tín dụng và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11.01.2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi suất, lãi suất, phạt vi phạm. Đề nghị HĐXX:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị S.

- Công nhận sự tự nguyện của các đương sự, buộc anh Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm thanh toán số tiền vay gốc 39.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 15.9.2020 đến ngày 08.10.2020 là 254.000đ và tiền lãi phát sinh tính sau ngày 08.10.2020 đến thời điểm trả xong nợ cho Ngân hàng Agribank phòng giao dịch Đ.

- Đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết tranh chấp về tài sản chung.

- Về án phí: Buộc thực hiện theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Văn B khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị S ở Thôn B, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[2] Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện về kết hôn, được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh B và chị S có thời gian dài chung sống với nhau nhưng từ những mâu thuẫn trong cuộc sống giữa vợ chồng mà cả hai không thể giải quyết dẫn đến việc cả hai sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án tiến hành phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, tại phiên tòa anh B, chị S cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất ly hôn. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của anh B, chị S và xem xét mức độ căng thẳng của hai anh chị trong quá trình hòa giải, thấy rằng việc thuận tình ly hôn của hai anh chị là tự nguyện và phù hợp với thực tế mâu thuẫn nên Hội đồng xét

xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị S.

[3] Về con chung: Anh B, chị S xác định có 02 người con tên Nguyễn Hữu H1 (sinh ngày 16.10.1996) và Nguyễn Thị Mỹ H2 (sinh ngày 02.3.1999), hiện cả hai người con đã trưởng thành, anh B, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Vào ngày 05.6.2020 chị Nguyễn Thị S có yêu cầu phản tố yêu cầu chia tài sản chung và anh Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu trả nợ và yêu cầu chia tài sản chung. Đến ngày 24.7.2020 chị S có đơn rút yêu cầu phản tố, anh Nguyễn Văn B có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, rút yêu cầu đối với khoản nợ của anh Nguyễn Văn L1 và chị Nguyễn Thị L2, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đình chỉ đối với yêu cầu này.

[5] Đối với khoản nợ của Ngân hàng No & PTNT chi nhánh thị xã A: Tại phiên tòa, anh B xác định hiện còn nợ Ngân hàng No & PTNT chi nhánh thị xã A số tiền vay gốc 39.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 15.9.2020 đến ngày 08.10.2020 là 254.000đ, anh tự nguyện trả và không yêu cầu chị S cùng có trách nhiệm trả nợ. Xét việc tự nguyện trả nợ của anh B được người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng No & PTNT chi nhánh thị xã A đồng ý và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí hôn nhân 300.000đ và 1.962.000đ án phí trả nợ, tổng cộng 2.262.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0004988 ngày 28.5.2020 và 2.500.000đ tiền tạm ứng tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001260 ngày 10.6.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, còn lại 538.000đ hoàn trả cho anh B. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung do chị S rút yêu cầu nên hoàn trả cho chị S tiền tạm ứng án phí là 4.000.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001259 ngày 10.6.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 55, 57, 60 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463 Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức các tín dụng năm 2010; Điều 7 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 11.01.2019 của Hội đồng thẩm phán về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điểm a, e Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị S.

2/ Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Hữu H1 sinh ngày 16.10.1996 và Nguyễn Thị Mỹ H2 sinh ngày 02.3.1999, hiện đã trưởng thành nên không xét.

3/ Về tài sản chung:

3.1. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của anh Nguyễn Văn B và yêu cầu giải quyết nợ đối với khoản nợ của ông Nguyễn Văn L1 và khoản nợ của bà Nguyễn Thị L2 do anh B rút yêu cầu.

3.2. Đình chỉ yêu cầu phản tố chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị S do chị S rút yêu cầu.

4/ Về nợ chung:

Buộc anh Nguyễn Văn B có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng No & PTNT chi nhánh thị xã A số tiền vay gốc 39.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 15.9.2020 đến ngày 08.10.2020 là 254.000đ, tổng cộng 39.254.000đ (Ba mươi chín triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng) và tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh sau ngày 08.10.2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vay) số 4303LAV201801666.

5/ Về án phí sơ thẩm:

5.1. Anh Nguyễn Văn B phải chịu án 300.000đ án phí hôn nhân và 1.962.000đ án phí trả nợ, tổng cộng 2.262.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0004988 ngày 28.5.2020 và 2.500.000đ tiền tạm ứng tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001260 ngày 10.6.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, còn lại 538.000đ hoàn trả cho anh B.

5.2. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị S tiền tạm ứng án phí là 4.000.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001259 ngày 10.6.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

6/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn, người liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND xã N
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Lệ